



Số: 1274/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc: Huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu: Đất

Ngày quan trắc: 22/5/2025

Ngày phân tích: 23/5-07/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả			QCVN 03: 2023/BTNMT		
				Đ2205-2.1 (052201Đ)	Đ2205-2.2 (052202Đ)	Đ2205-2.3 (052203Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	34,9	23,36	<13	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	11,25	2,68	<2,5	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	67,42	43,89	9,74	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	162,22	143,79	50,72	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	19,11	10,44	12,6	25	50	200
6	(b)HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D	-	-	-	-	-	-	-
	(b)Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	(b)HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
 Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
 Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1274/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ2205-2.1 (052201Đ)** Mẫu đất lấy tại khu vực bãi rác thôn Tân Hưng xã Tân Việt huyện Bình Giang (cách KDC khoảng 1.5km; nằm trong quy hoạch KCN Phúc Điền mở rộng giai đoạn 2030-2050) (X(m): 2310600; Y(m): 624480)
- Đ2205-2.2 (052202Đ)** Mẫu đất lấy tại khu vực đất gần mương tiếp nhận nước thải của CCN Tráng Liệt, huyện Bình Giang (X(m): 2312031; Y(m): 567393)
- Đ2205-2.3 (052203Đ)** Mẫu đất lấy tại khu vực đất gần trạm xử lý nước thải của khu đô thị Tráng Liệt, huyện Bình Giang (X(m): 2312151; Y(m): 567176)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyên



Số: 1275/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc: Huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu: Đất

Ngày quan trắc: 22/5/2025

Ngày phân tích: 23/5-07/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03:2023/BTNMT		
				Đ2205-2.4 (052204Đ)	Đ2205-2.5 (052205Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	15,62	26,39	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	KPH (0,83)	7,62	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	12,22	50,24	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	48,3	134,98	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	14,55	13,44	25	50	200
6	(b)HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D	-	-	-	-	-	
	(b)Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	(b)HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/ The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1275/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ2205-2.4 Mẫu đất lấy tại khu vực đất dưới chân cầu Cổng Tranh ven sông Sặt, huyện Bình
(052204Đ) Giang (X(m): 2311299; Y(m): 566302)
Đ2205-2.5 Mẫu đất lấy tại khu vực đất ven bờ mương thoát nước gần làng Châu Khê, huyện
(052205Đ) Bình Giang (X(m): 2310869; Y(m): 567297)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.


Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

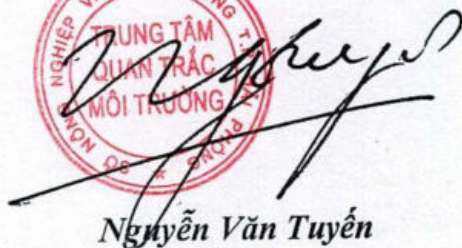
TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC


Chu Minh Huân Liên


Đỗ Thị Nguyệt


Nguyễn Văn Tuyên



Số: 1276/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ	Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025
Địa điểm quan trắc	Huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Loại mẫu	Đất
Ngày quan trắc	22/5/2025
Ngày phân tích	23/5-07/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03:2023/BTNMT		
				Đ2205-2.6 (052206Đ)	Đ2205-2.7 (052207Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	23,52	16,28	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	<2,5	<2,5	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	27,77	22,06	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	82,85	210,82	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	14,96	17,11	25	50	200
6	(b)HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D				-	-	-
	(b)Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl16O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl16O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	(b)HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
 Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
 Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1276/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ2205-2.6 (052206Đ)** Mẫu đất lấy tại bãi rác thôn Hoà Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang (cách KDC thôn Bình Đê khoảng 400m, nằm trong quy hoạch đất ở giai đoạn 2030) (X(m): 2305249; Y(m): 625628)
- Đ2205-2.7 (052207Đ)** Mẫu đất lấy tại khu vực đất ven bờ kênh tiếp nhận nước thải của CCN Tân Hồng (X(m): 2310700; Y(m): 622429)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyển



Số: 1277/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc: Huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu: Đất

Ngày quan trắc: 22/5/2025

Ngày phân tích: 23/5-07/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03: 2023/BTNMT		
				Đ2205-2.8 (052208Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	22,63	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	<2,5	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	24,65	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	115,64	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	19,52	25	50	200
6	(b)HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D	-	-	-	-	-
	(b)Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)	mg/kg	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5	
7	(b)HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/ The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
 Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
 Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1277/2025/KQTN-017

Ghi chú:

Đ2205-2.8 Mẫu đất lấy tại khu vực đất ven bờ hồ An Dương xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh
(052208Đ) Miện (X(m): 2291689; Y(m): 575501)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt



Nguyễn Văn Tuyển



Số: 1278/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ	Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025
Địa điểm quan trắc	Huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Loại mẫu	Đất
Ngày quan trắc	22/5/2025
Ngày phân tích	23/5-07/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03: 2023/BTNMT		
				Đ2205-2.9 (052209Đ)	Đ2205-2.10 (052210Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	<13	56,64	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	<2,5	<2,5	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	21,01	240,6	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	131,9	252,15	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	12,73	17,92	25	50	200
6	(b)HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D	-	-	-	-	-	-
	(b)Tổng DDT (1,1'- (2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	(b)HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
 Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
 Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1278/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ2205-2.9 (052209Đ)** Mẫu đất lấy tại khu vực đất tại vườn vải xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà (X(m): 2310014; Y(m): 598046)
Đ2205-2.10 (052210Đ) Mẫu đất lấy tại khu vực đất tại bãi chôn lấp rác tập trung thôn Bá Nha, xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà (X(m): 2309016; Y(m): 600802)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyền

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1279/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp
 công giao nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc

TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu

Đất

Ngày quan trắc

23/5/2025

Ngày phân tích

24/5-09/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03: 2023/BTNMT		
				Đ2305-3.1 (052301Đ)	Đ2305-3.2 (052302Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	<13	37,62	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	KPH (0,83)	<2,5	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	2,38	40,13	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	15,68	134,51	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	1,59	14,32	25	50	200
6	(b)HC BTVV nhóm Clo hữu cơ (b)Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D	mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	(b)HC BTVV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1279/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ2305-3.1 (052301Đ) Mẫu đất lấy tại khu vực bãi đất ven sông Thái Bình tại phường Phả Lại, TP Chí Linh (X(m): 2330530; Y(m): 583767)
Đ2305-3.2 (052302Đ) Mẫu đất lấy tại khu vực đất rừng Côn Sơn, TP. Chí Linh (X(m): 2339892; Y(m): 591755)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyên



Số: 1280/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc

TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu

Đất

Ngày quan trắc

23/5/2025

Ngày phân tích

24/5-09/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03: 2023/BTNMT		
				Đ2305-3.3 (052303Đ)	Đ2305-3.4 (052304Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	57,2	35,67	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	KPH (0,83)	KPH (0,83)	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	48	34,2	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	90,78	78,99	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	27,88	13,57	25	50	200
6	(b)HC BTVV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D				-	-	-
	(b)Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	(b)HC BTVV nhóm phosphor hữu cơ		US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1280/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ2305-3.3 (052303Đ) Mẫu đất lấy tại khu vực đất nằm trong khu vực trạm xử lý nước thải của KCN Đại An (X(m): 2314318; Y(m): 579887)
Đ2305-3.4 (052304Đ) Mẫu đất lấy tại khu vực đất gần khu vực nuôi trồng thủy sản ven sông Thái Bình xã Tiên Tiên, Thành phố Hải Dương (X(m): 2311513; Y(m): 590068)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyền



Số: 1281/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc: Huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu: Đất

Ngày quan trắc: 24/5/2025

Ngày phân tích: 25/5-10/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả			QCVN 03: 2023/BTNM		
				Đ2405-2.2 (052402Đ)	Đ2405-2.3 (052403Đ)	Đ2405-2.4 (052404Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại
1	^(b) *Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	27,97	18,24	14,29	200	400	700
2	^(b) *Cd		mg/kg	KPH (0,83)	KPH (0,83)	KPH (0,83)	4	10	60
3	^(b) *Cu		mg/kg	29,32	16,49	11,43	150	500	200
4	^(b) *Zn		mg/kg	96,26	68	38,59	300	600	200
5	^(b) *As		mg/kg	16,51	8,83	11,78	25	50	200
6	^(b) HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D					-	-	-
	^(b) Tổng DDT (1,1'- (2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	^(b) Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	^(b) Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	^(b) Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	^(b) Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	^(b) Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	^(b) HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1281/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ2405-2.2 (052402Đ)** Mẫu đất lấy tại khu vực đất cạnh tường rào nhà máy xử lý rác Việt Hồng, huyện Kim Thành (X(m): 2318607; Y(m): 597680)
Đ2405-2.3 (052403Đ) Mẫu đất lấy tại khu vực đất cạnh tác trồng rau, cây ăn quả, hoa màu tại xã Đông Cầm, huyện Kim Thành (X(m): 2312100; Y(m): 605292)
Đ2405-2.4 (052404Đ) Mẫu đất lấy tại khu vực đất cạnh điểm xả nước thải của trạm xử lý nước thải của KCN Lai Vu, huyện Kim Thành (X(m): 2321980; Y(m): 593458)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt



Nguyễn Văn Tuyển



Số: 1282/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc: Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu: Đất

Ngày quan trắc: 24/5/2025

Ngày phân tích: 25/5-10/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03: 2023/BTNMT		
				Đ2405-2.1 (052401Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	21,29	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	KPH (0,83)	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	42,18	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	66,81	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	12,05	25	50	200
6	(b)HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D	-	-	-	-	-
	(b)Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	(b)HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	10	10	30

(*) Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
 Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
 Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1282/2025/KQTN-017

Ghi chú:

Đ2405-2.1 (052401Đ) Mẫu đất lấy tại khu vực đất canh tác hành tỏi xã Thăng Long (tại thời điểm lấy mẫu khu vực đang trồng lúa) (X(m): 2324068; Y(m): 5952234)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

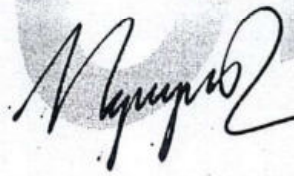
Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.


TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC


Chu Minh Huân Liên


Đỗ Thị Nguyệt


Nguyễn Văn Tuyên



Số: 1283/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc

Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu

Đất

Ngày quan trắc

26/5/2025

Ngày phân tích

27/5-12/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả			QCVN 03: 2023/BTNMT		
				Đ2605-2.1 (052601Đ)	Đ2605-2.2 (052602Đ)	Đ2605-2.3 (052603Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	120,38	28,36	121,16	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	3,89	KPH (0,83)	<2,5	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	44,42	27,34	26,41	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	612,11	82,45	244,61	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	24,75	29,05	19,82	25	50	200
6	(b)HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D	-	-	-	-	-	-	-
	(b)Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	(b)HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1283/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ2605-2.1 (052601Đ)** Mẫu đất lấy tại khu vực đất ven bờ mương tiếp nhận nước thải của công ty CP Thép Hoà Phát, CCN Hiệp Sơn, TX.Kinh Môn (X(m): 2324074; Y(m): 608162)
Đ2605-2.2 (052602Đ) Mẫu đất lấy tại khu vực bãi đất trống nằm giữa công ty VTC và công ty Phú Sơn thuộc CCN Phú Thứ, TX Kinh Môn (X(m): 2324988; Y(m): 609669)
Đ2605-2.3 (052603Đ) Mẫu đất lấy tại khu vực bãi đất bãi rác khu dân cư Kinh Hạ, phường An Lư, thị xã Kinh Môn (X(m): 2322887; Y(m): 609263)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyên



Số: 1284/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp
 công giao nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc

Huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu

Đất

Ngày quan trắc

02/6/2025

Ngày phân tích

03-19/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả			QCVN 03: 2023/BTNMT		
				Đ0206-3.4 (060204Đ)	Đ0206-3.3 (060203Đ)	Đ0206-3.5 (060205Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	^(b) Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	33,23	41,00	24,81	200	400	700
2	^(b) Cd		mg/kg	<2,5	KPH (0,83)	KPH (0,83)	4	10	60
3	^(b) Cu		mg/kg	35,57	37,75	21,95	150	500	2000
4	^(b) Zn		mg/kg	139,26	99,91	49,45	300	600	2000
5	^(b) As		mg/kg	33,85	12,17	17,22	25	50	200
6	^(b) HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D	-	-	-	-	-	-	-
	^(b) Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	^(b) Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	^(b) Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	^(b) Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	^(b) Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	^(b) Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	^(b) HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/ The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
HAIPHONG DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT
CENTRE FOR ENVIRONMENTAL MONITORING – HPCEM

Add1: 275 Lach Tray - Gia Vien - Hai Phong; Tel/Fax (84-225)3733.493
Add2: 159 Ngo Quyen - Le Thanh Nghi - Hai Phong; Tel/(84-220)3898.195

Số: 1284/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ0206-3.4 (060204Đ) Mẫu đất lấy tại khu vực đất cách kho xăng Đức Chính 200m, cách khu dân cư thôn Hoàng Gia, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng 300m (3 mặt tiếp giáp ruộng canh tác, 1 mặt tiếp giáp đường đi) (X(m): 2318838; Y(m): 631539)
- Đ0206-3.3 (060203Đ) Mẫu đất lấy tại khu vực đất trồng hoa màu (cà rốt, rau mùi, bí đỏ...) tại xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng (X(m): 2319619; Y(m): 580872)
- Đ0206-3.5 (060205Đ) Mẫu đất lấy tại khu vực đất phía cuối CCN Cao An gần mương tiếp nhận nước thải của cụm X(m): 2317276; Y(m): 578285)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyền

(*) Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**) Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1285/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc: Huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu: Đất

Ngày quan trắc: 02/6/2025

Ngày phân tích: 03-19/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03:2023/BTNMT		
				Đ0206-3.6 (060206Đ)	Đ0206-3.7 (060207Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	28,88	<13	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	KPH (0,83)	KPH (0,83)	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	28,39	6,7	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	79,48	30,57	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	17,83	1,19	25	50	200
6	(b)HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D	-	-	-	-	-	-
	(b)Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)	mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5	
7	(b)HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
 Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
 Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1285/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ0206-3.6 (060206Đ)** Mẫu đất lấy tại khu vực đất ven bờ mương tiếp nhận nước thải từ cửa xả nước thải của trạm xử lý nước thải CNN Lương Điền, huyện Cẩm Giàng (X(m): 2317398; Y(m): 569138)
- Đ0206-3.7 (060207Đ)** Mẫu đất lấy tại khu vực đất ven bờ mương thoát nước làng nghề và sát đường giao thông trong khu vực làng nghề gỗ Đông Giao (X(m): 2316671; Y(m): 568569)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyền



Số: 1286/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp
 công giao nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc

Huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu

Đất

Ngày quan trắc

02/6/2025

Ngày phân tích

03-19/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03: 2023/BTNMT		
				Đ0206-3.8 (060208Đ)	Đ0206-3.2 (060202Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	36,45	26,89	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	<2,5	KPH (0,83)	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	28,24	21,22	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	81,55	56,62	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	33,65	14,05	25	50	200
6	(b)HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D				-	-	-
	(b)Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	(b)HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1286/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ0206-3.8 (060208Đ)** Mẫu đất lấy tại khu vực đất ven bờ sông Bắc Hưng Hải ngay cạnh cửa xả nước thải của trạm xử lý nước thải KCN Phúc Điền
(X(m): 2314855; Y(m): 572033)
- Đ0206-3.2 (060202Đ)** Mẫu đất lấy tại khu vực đất trồng cây cách kho thuốc bảo vệ thực vật Cẩm Giàng 5m (X(m): 2316984; Y(m): 580194)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyên



Số: 1287/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp
 công giao nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc

Huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu

Đất

Ngày quan trắc

02/6/2025

Ngày phân tích

03-19/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả			QCVN 03:2023/BTNMT		
				Đ0206-3.15 (060215Đ)	Đ0206-3.9 (060209Đ)	Đ0206-3.10 (060210Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	^(b) *Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	39,51	28,35	18,55	200	400	700
2	^(b) *Cd		mg/kg	9,23	<2,5	KPH (0,83)	4	10	60
3	^(b) *Cu		mg/kg	59,41	40,75	13,86	150	500	2000
4	^(b) *Zn		mg/kg	132,74	140,66	49,81	300	600	2000
5	^(b) *As		mg/kg	17,68	9,27	8,00	25	50	200
6	^(b) HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D	-	-	-	-	-	-	-
	^(b) Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	^(b) Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	^(b) Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	^(b) Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	^(b) Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	^(b) Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	^(b) HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1287/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ0206-3.15 (060215Đ)** Mẫu đất lấy tại khu vực bãi rác thôn Tân Hưng xã Tân Việt huyện Bình Giang (cách KDC khoảng 1.5km; nằm trong quy hoạch KCN Phúc Điền mở rộng giai đoạn 2030-2050)
(X(m): 2310600; Y(m): 624480)
- Đ0206-3.9 (060209Đ)** Mẫu đất lấy tại khu vực đất gần mương tiếp nhận nước thải của CCN Tráng Liệt, huyện Bình Giang
(X(m): 2312031; Y(m): 567393)
- Đ0206-3.10 (060210Đ)** Mẫu đất lấy tại khu vực đất gần trạm xử lý nước thải của khu đô thị Tráng Liệt, huyện Bình Giang (X(m): 2312151; Y(m): 567176)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyên

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1288/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc: Huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu: Đất

Ngày quan trắc: 02/6/2025

Ngày phân tích: 03-19/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03: 2023/BTNMT		
				Đ0206-3.11 (060211Đ)	Đ0206-3.14 (060214Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	18,34	28,19	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	KPH (0,83)	6,31	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	12,94	41,78	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	35,77	93,56	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	11,37	17,4	25	50	200
6	(b)HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D	-	-	-	-	-	-
	(b)Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diy)l) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	(b)HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
 Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
 Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1288/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ0206-3.11 Mẫu đất lấy tại khu vực đất dưới chân cầu Công Tranh ven sông Sặt, huyện Bình Giang (X(m): 2311299; Y(m): 566302)
(060211Đ)
Đ0206-3.14 Mẫu đất lấy tại khu vực đất ven bờ mương thoát nước gần làng Châu Khê, huyện Bình Giang (X(m): 2310869; Y(m): 567297)
(060214Đ)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.


Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

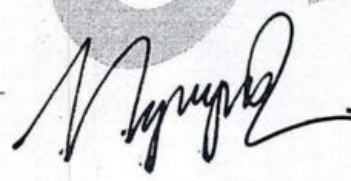
Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.


TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC


Chu Minh Huân Liên


Đỗ Thị Nguyệt


Nguyễn Văn Tuyển





Số: 1289/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc: Huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu: Đất

Ngày quan trắc: 02/6/2025

Ngày phân tích: 03-19/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03: 2023/BTNMT		
				Đ0206-3.13 (060213Đ)	Đ0206-3.12 (060212Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	22,04	24,83	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	KPH (0,83)	KPH (0,83)	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	21,13	25,81	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	73,4	179,79	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	18,23	10,96	25	50	200
6	(b)HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D				-	-	-
	(b)Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	(b)HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ		US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1289/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ0206-3.13 (060213Đ)** Mẫu đất lấy tại bãi rác thôn Hoà Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang (cách KDC thôn Bình Đê khoảng 400m, nằm trong quy hoạch đất ở giai đoạn 2030) (X(m): 2305249; Y(m): 625628)
- Đ0206-3.12 (060212Đ)** Mẫu đất lấy tại khu vực đất ven bờ kênh tiếp nhận nước thải của CCN Tân Hồng (X(m): 2310700; Y(m): 622429)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt



Nguyễn Văn Tuyên



Số: 1290/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc: TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu: Đất

Ngày quan trắc: 02&03/6/2025

Ngày phân tích: 03-20/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03: 2023/BTNMT		
				Đ0206-3.1 (060201Đ)	Đ0306-2.9 (060309Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	56,16	31,8	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	KPH (0,83)	<2,5	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	46,41	31,03	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	99,1	90,82	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	27,53	10,2	25	50	200
6	(b)HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D				-	-	-
	(b)Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	(b)HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1290/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ0206-3.1 (060201Đ)** Mẫu đất lấy tại khu vực đất nằm trong khu vực trạm xử lý nước thải của KCN Đại An (X(m): 2314318; Y(m): 579887)
Đ0306-2.9 (060309Đ) Mẫu đất lấy tại khu vực đất gần khu vực nuôi trồng thủy sản ven sông Thái Bình xã Tiên Tiến, Thành phố Hải Dương (X(m): 2311513; Y(m): 590068)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyền



Số: 1291/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp
 công giao nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc

Huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu

Đất

Ngày quan trắc

03/6/2025

Ngày phân tích

04-20/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03: 2023/BTNMT		
				Đ0306-2.1 (060301Đ)	Đ0306-2.2 (060302Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	24,96	14,85	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	KPH (0,83)	KPH (0,83)	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	37,04	10,11	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	68,8	39,13	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	7,88	9,79	25	50	200
6	(b)HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D	-	-	-	-	-	-
	(b)Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	(b)HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1291/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ0306-2.1 Mẫu đất lấy tại khu vực đất cạnh mương tưới tiêu nội đồng tiếp giáp CCN Gia
(060301Đ) Xuyên, huyện Gia Lộc (X(m): 2311688; Y(m): 584116)
Đ0306-2.2 Mẫu đất lấy tại khu vực đất cạnh mương tiếp nhận nước thải KCN Hoàng Diệu,
(060302Đ) huyện Gia Lộc (X(m): 2306305; Y(m): 583836)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyên

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1292/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp
 công giao nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc

Huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu

Đất

Ngày quan trắc

03/6/2025

Ngày phân tích

04-20/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03: 2023/BTNMT		
				Đ0306-2.3 (060303Đ)	Đ0306-2.4 (060304Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	21,17	90,12	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	KPH (0,83)	6,31	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	25,5	133,58	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	64,67	135,77	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	8,16	21,42	25	50	200
6	(b)HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D	-	-	-	-	-	-
	(b)Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	(b)HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
 Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
 Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1292/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ0306-2.3 (060303Đ)** Mẫu đất lấy tại khu vực đất cạnh mương thoát nước làng nghề rền Đông Tái da Tam Lâm (thôn Đồng Tái, xã Thống Kênh, huyện Gia Lộc)
(X(m): 2301937; Y(m): 584063)
- Đ0306-2.4 (060304Đ)** Mẫu đất lấy tại khu vực bãi rác giày da Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc
(X(m): 2305950; Y(m): 2305950)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt



Nguyễn Văn Tuyên

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp đo PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1293/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp
 công giao nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc

Huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu

Đất

Ngày quan trắc

03/6/2025

Ngày phân tích

04-20/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03: 2023/BTNMT		
				Đ0306-2.5 (060305Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	28,02	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	KPH (0,83)	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	24,94	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	103,72	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	15,19	25	50	200
6	(b)HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D	-	-	-	-	-
	(b)Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)	mg/kg	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5	
7	(b)HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/ The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1293/2025/KQTN-017

Ghi chú:

Đ0306-2.5 Mẫu đất lấy tại khu vực đất ven bờ hồ An Dương xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh
(060305Đ) Miện (X(m): 2291689; Y(m): 575501)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt



Nguyễn Văn Tuyên



Số: 1294/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp
 công giao nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc

Huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu

Đất

Ngày quan trắc

03/6/2025

Ngày phân tích

04-20/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả			QCVN 03: 2023/BTNMT		
				Đ0306-2.7 (060307Đ)	Đ0306-2.8 (060308Đ)	Đ0306-2.6 (060306Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	^(b) *Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	32,32	44,78	179,17	200	400	700
2	^(b) *Cd		mg/kg	<2,5	<2,5	<2,5	4	10	60
3	^(b) *Cu		mg/kg	43,61	41,49	331,25	150	500	2000
4	^(b) *Zn		mg/kg	96,17	111	323,85	300	600	2000
5	^(b) *As		mg/kg	18,02	10,84	21,36	25	50	200
6	^(b) HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D	-	-	-	-	-	-	-
	^(b) Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	^(b) Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	^(b) Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	^(b) Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	^(b) Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	^(b) Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	^(b) HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.
 Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.
 Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1294/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ0306-2.7** (060307Đ) Mẫu đất lấy tại khu vực đất tại bãi đổ vật liệu xây dựng của CCN Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ (X(m): 2311032; Y(m): 589482)
Đ0306-2.8 (060308Đ) Mẫu đất lấy tại khu vực đất nuôi trồng rươi cáy xã An Thanh (tại thời điểm lấy mẫu khu vực đang trồng lúa) (X(m): 2302270; Y(m): 601060)
Đ0306-2.8 (060308Đ) Mẫu đất lấy tại khu vực bãi rác tại xã Quang Phục, huyện Tứ Kỳ (X(m): 2306176; Y(m): 591671)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt



Nguyễn Văn Tuyên



Số: 1295/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp
 công giao nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc

Huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu

Đất

Ngày quan trắc

03/6/2025

Ngày phân tích

04-20/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03:2023/BTNMT		
				Đ0306-2.10 (060310Đ)	Đ0306-2.11 (060311Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	16,62	52,95	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	KPH (0,83)	<2,5	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	21,75	277,72	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	104,75	179,97	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	14,15	14,38	25	50	200
6	(b)HC BTVT nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D	-	-	-	-	-	-
	(b)Tổng DDT (1,1'- (2,2,2- Trichloroethane- 1,1-diyl) bis(4- chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	(b)HC BTVT nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/ The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1295/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ0306-2.10** Mẫu đất lấy tại khu vực đất tại vườn vải xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà
(060310Đ) (X(m): 2310014; Y(m): 598046)
Đ0306-2.11 Mẫu đất lấy tại khu vực đất tại bãi chôn lấp rác tập trung thôn Bá Nha, xã Thanh
(060311Đ) Quang, huyện Thanh Hà (X(m): 2309016; Y(m): 600802)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt



Nguyễn Văn Tuyển



Số: 1296/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ: “Bảo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc: Huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu: Đất

Ngày quan trắc: 04/6/2025

Ngày phân tích: 05-21/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả			QCVN 03: 2023/BTNMT		
				Đ0406-2.1 (060401Đ)	Đ0406-2.2 (060402Đ)	Đ0406-2.7 (060407Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	24,69	18,80	17,23	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	<2,5	KPH (0,83)	<2,5	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	25,63	17,46	12,02	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	79,53	65,00	39,49	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	17,23	11,91	7,70	25	50	200
6	(b)HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D	-	-	-	-	-	-	-
	(b)Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	(b)HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1296/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ0406-2.1** Mẫu đất lấy tại khu vực đất cạnh tường rào nhà máy xử lý rác Việt Hồng, huyện (060401Đ) Kim Thành (X(m): 2318607; Y(m): 597680)
Đ0406-2.2 Mẫu đất lấy tại khu vực đất canh tác trồng rau, cây ăn quả, hoa màu tại xã Đồng (060402Đ) Cẩm, huyện Kim Thành (X(m): 2312100; Y(m): 605292)
Đ0406-2.7 Mẫu đất lấy tại khu vực đất cạnh điểm xả nước thải của trạm xử lý nước thải của (060407Đ) KCN Lai Vu, huyện Kim Thành (X(m): 2321980; Y(m): 593458)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt



Nguyễn Văn Tuyên



Số: 1297/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp
 công giao nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc

Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu

Đất

Ngày quan trắc

04/6/2025

Ngày phân tích

05-21/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03: 2023/BTNMT		
				Đ0406-2.6 (060406Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	19,16	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	KPH (0,83)	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	39,83	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	57,84	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	11,46	25	50	200
6	(b)HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D	-	-	-	-	-
	(b)Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	(b)HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/ The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1297/2025/KQTN-017

Ghi chú:

Đ0406-2.6 (060406Đ) Mẫu đất lấy tại khu vực đất canh tác hành tỏi xã Thăng Long (tại thời điểm lấy mẫu khu vực đang trồng lúa) (X(m): 2324068; Y(m): 5952234)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt



Nguyễn Văn Tuyên



Số: 1298/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp
 công giao nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc

Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu

Đất

Ngày quan trắc

04/6/2025

Ngày phân tích

05-21/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả			QCVN 03: 2023/BTNMT		
				Đ0406-2.4 (060404Đ)	Đ0406-2.5 (060405Đ)	Đ0406-2.3 (060403Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	136,07	26,25	94,68	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	5,87	<2,5	2,53	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	56,34	25,04	24,10	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	572,69	85,68	284,15	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	22,70	32,42	17,29	25	50	200
6	(b)HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D	-	-	-	-	-	-	-
	(b)Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	(b)HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10	30

(*) Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**) Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/ The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1298/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ0406-2.4 (060404Đ)** Mẫu đất lấy tại khu vực đất ven bờ mương tiếp nhận nước thải của công ty CP Thép Hoà Phát, CCN Hiệp Sơn, TX.Kinh Môn (X(m): 2324074; Y(m): 608162)
Đ0406-2.5 (060405Đ) Mẫu đất lấy tại khu vực bãi đất trống nằm giữa công ty VTC và công ty Phú Sơn thuộc CCN Phú Thứ, TX Kinh Môn (X(m): 2324988; Y(m): 609669)
Đ0406-2.3 (060403Đ) Mẫu đất lấy tại khu vực bãi đất bãi rác khu dân cư Kinh Hạ, phường An Lư, thị xã Kinh Môn (X(m): 2322887; Y(m): 609263)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

Chu Minh Huân Liên

PHÒNG PHÂN TÍCH

Đỗ Thị Nguyệt

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Tuyền



Số: 1299/2025/KQTN-017

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
RESULT OF ANALYSIS

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

Tên dịch vụ sự nghiệp
 công giao nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc

TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu

Đất

Ngày quan trắc

04/6/2025

Ngày phân tích

05-21/6/2025

II. KẾT QUẢ/ RESULT

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN 03:2023/BTNMT		
				Đ0406-2.8 (060408Đ)	Đ0406-2.9 (060409Đ)	Loại 1	Loại 2	Loại 3
1	(b)*Pb	US.EPA 3050B:1996 US.EPA 7000B:2007	mg/kg	<13	31,98	200	400	700
2	(b)*Cd		mg/kg	KPH (0,83)	<2,5	4	10	60
3	(b)*Cu		mg/kg	2,34	32,69	150	500	2000
4	(b)*Zn		mg/kg	15,49	112,82	300	600	2000
5	(b)*As		mg/kg	3,75	13,88	25	50	200
6	(b)HC BVTV nhóm Clo hữu cơ	US EPA Method 3540C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270D	-	-	-	-	-	-
	(b)Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diy)l bis(4-chlorobenzene) (C14H9Cl5)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	1,1	16,5	50
	(b)Lindane (C6H6Cl6)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,33	24	50
	(b)Heptachlor (C10H5Cl7)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	4,1	13,8
	(b)Chlordane (C10H6Cl8)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,18	4,1	13,8
	(b)Dieldrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,08	0,83	2,7
	(b)Endrin (C12H8Cl6O)		mg/kg	KPH (0,0004)	KPH (0,0004)	0,11	1,6	5,5
7	(b)HC BVTV nhóm phosphor hữu cơ	US EPA Method 3510C US EPA Method 3630C US EPA Method 8270	mg/kg	KPH (0,0015)	KPH (0,0015)	10	10	30

(*): Những phép thử đã được công nhận ISO 17025/ The methods were approved by ISO 17025; (**): Những phép thử thực hiện bởi nhà thầu phụ/ The methods are performing by subcontractors; (#) Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory – developed methods.

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích/ The test result is valid for analysed sample only.

Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HPCEM/ The test result shall not be reproduced except in full, without the written approval of HPCEM.



Số: 1299/2025/KQTN-017

Ghi chú:

- Đ0406-2.8** Mẫu đất lấy tại khu vực bãi đất ven sông Thái Bình tại phường Phả Lại, TP Chí
(060408Đ) Linh (X(m): 2330530; Y(m): 583767)
Đ0406-2.9 Mẫu đất lấy tại khu vực đất rừng Côn Sơn, TP. Chí Linh
(060409Đ) (X(m): 2339892; Y(m): 591755)

QCVN 03: 2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất.

(a): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 008

(b): thông số được thực hiện bởi Vimcerts 017

Mẫu kết quả ghi KPH là mẫu có kết quả dưới giới hạn phát hiện

KPH(a): Không phát hiện, trong đó a là giới hạn phát hiện của thông số phân tích được công bố trong quyết định VIMCERTS 017.

Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

Hải Phòng, ngày 11 tháng 7 năm 2025.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PHÂN TÍCH

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyên



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: số 159 Đường Ngô Quyền, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương Tel: 0220.3898198

Số: 865/2025/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Hải Dương, ngày 05 tháng 6 năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc Huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu Không khí xung quanh

Ngày quan trắc 20/5/2025

Ngày phân tích 21/5-27/5/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Phương pháp quan trắc	Đơn vị	Kết quả	QCVN 26:
				KK2005-3.1	2010/BTNMT
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	31,3	-
2	Độ ẩm	QCVN 46:2022/BTNMT	%	68,8	-
3	Tốc độ gió	QCVN 46:2022/BTNMT	m/s	0,39	-
4	Tiếng ồn (L_{Aeq})	TCVN 7878-1,2: 2018	dBA	57,1	≤ 70
	Tiếng ồn (L_{Amax})			63,6	-

Ghi chú:

KK2005-3.1: Khu dân cư Hoàng Xá, xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc
(X(m): 2305012; Y(m): 583017)

- QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn./.

TM.NHÓM QUAN TRẮC

PHÒNG QTTN, MT

Khánh

Nguyễn Đức Khánh

Trần Xuân Toàn

Trần Xuân Toàn

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tuyên

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;
 - Phương pháp thử đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017 và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã hiệu VIMCERTS 017 được công bố trong hồ sơ năng lực của Trung tâm;
 - (*) Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
 - Không được sao chép từng phần kết quả này, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Tài nguyên, Môi trường;
 - Nếu khách hàng không có phản hồi lại, sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả Trung tâm sẽ hủy mẫu theo quy định./.
- BM 29.01 Lấn ban hành: 2.25



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: số 159 Đường Ngô Quyền, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương *Tel: 0220.3898198

Số: 872/2025/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Hải Dương, ngày 05 tháng 6 năm 2025



I. THÔNG TIN CHUNG

Tên dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc: Huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Ngày quan trắc: 20/5/2025

Ngày phân tích: 21/5-27/5/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KK2005-3.1	
1	CO	HDPT 50.2021	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<9000	30.000
2	NO ₂	TCVN 6137: 2009	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	16	200
3	SO ₂	TCVN 5971: 1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<40	350
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067 :1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	74	300
5	NH ₃	TCVN 5293:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<100	200
6	H ₂ S	MASA 701	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<10	42

Ghi chú:

- KK2005-3.1 Khu dân cư Hoàng Xá, xã Hồng Hưng, huyện Gia Lộc (052026K) (X(m): 2305012; Y(m): 583017)
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- Mẫu kết quả ghi “<” là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH PHÒNG PTTN, MT

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyền

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;
2. Phép thử đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017 và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã hiệu VIMCERTS 017 được công bố trong hồ sơ năng lực của Trung tâm;
3. (*) Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
4. Không được sao chép từng phần kết quả này, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Tài nguyên, Môi trường;
5. Nếu khách hàng không có phản hồi lại, sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả Trung tâm sẽ hủy mẫu theo quy định./.

BM 29.01
Lần ban hành: 2.25



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: số 159 Đường Ngô Quyền, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương *Tel: 0220.3898198



Số: 866/2025/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Hải Dương, ngày 05 tháng 6 năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên dịch vụ sự nghiệp
công giao nhiệm vụ

Địa điểm quan trắc

Loại mẫu

Ngày quan trắc

Ngày phân tích

Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Không khí xung quanh

21/5/2025

22/5-28/5/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Phương pháp quan trắc	Đơn vị	Kết quả	QCVN 26: 2010/BTNMT
				KK2105-2.1	
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	31,3	-
2	Độ ẩm	QCVN 46:2022/BTNMT	%	66,6	-
3	Tốc độ gió	QCVN 46:2022/BTNMT	m/s	0,38	-
4	Tiếng ồn (L_{Aeq})	TCVN 7878-1.2: 2018	dBA	58,1	≤ 70
	Tiếng ồn (L_{Amax})			62,0	-

Ghi chú:

KK2105-2.1: Khu dân cư thôn Phúc Xá B gần trường mầm non Cẩm Phúc, xã Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng (X(m): 2316456; Y(m): 572856)

- QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn./.

TM.NHÓM QUAN TRẮC

PHÒNG QTTN, MT

GIÁM ĐỐC

Khánh

Trần Xuân Toàn



Nguyễn Văn Tuyền

Nguyễn Đức Khánh

Trần Xuân Toàn

Nguyễn Văn Tuyền

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Phép thử đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017 và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã hiệu VIMCERTS 017 được công bố trong hồ sơ năng lực của Trung tâm;
- (*) Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- Không được sao chép từng phần kết quả này, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Tài nguyên, Môi trường;
- Nếu khách hàng không có phản hồi lại, sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả Trung tâm sẽ hủy mẫu theo quy định./.



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: số 159 Đường Ngô Quyền, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương *Tel: 0220.3898198

Số: 873/2025/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Hải Dương, ngày 05 tháng 6 năm 2025



I. THÔNG TIN CHUNG

Tên dịch vụ sự nghiệp
công giao nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025 huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Địa điểm quan trắc

Loại mẫu

Ngày quan trắc

Ngày phân tích

Không khí xung quanh

21/5/2025

22/5-28/5/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KK2105-2.1	
1	CO	HDPT 50.2021	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<9000	30.000
2	NO ₂	TCVN 6137:2009	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	14	200
3	SO ₂	TCVN 5971:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<40	350
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	121	300
5	NH ₃	TCVN 5293:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<100	200
6	H ₂ S	MASA 701	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<10	42

Ghi chú:

KK2105-2.1 Khu dân cư thôn Phúc Xá B gần trường mầm non Cẩm Phúc, xã (052101K) Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng (X(m): 2316456; Y(m): 572856)

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

- Mẫu kết quả ghi “<” là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PTTN, MT

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyền

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Phép thử đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017 và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã hiệu VIMCERTS 017 được công bố trong hồ sơ năng lực của Trung tâm;
- (*) Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- Không được sao chép từng phần kết quả này, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Tài nguyên, Môi trường;
- Nếu khách hàng không có phản hồi lại, sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả Trung tâm sẽ hủy mẫu theo quy định./.



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: số 159 Đường Ngô Quyền, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương *Tel: 0220.3898198

Số: 867/2025/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Hải Dương, ngày 05 tháng 6 năm 2025



I. THÔNG TIN CHUNG

Tên dịch vụ sự nghiệp
công giao nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc

TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu

Không khí xung quanh

Ngày quan trắc

23/5/2025

Ngày phân tích

24/5-29/5/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Phương pháp quan trắc	Đơn vị	Kết quả	QCVN 26:
				KK2305-3.1	2010/BTNMT
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	30,6	-
2	Độ ẩm	QCVN 46:2022/BTNMT	%	73,0	-
3	Tốc độ gió	QCVN 46:2022/BTNMT	m/s	0,63	-
4	Tiếng ồn (L_{Aeq})	TCVN 7878-1,2: 2018	dBA	60,0	≤ 70
	Tiếng ồn (L_{Amax})			64,2	-

Ghi chú:

KK2305-3.1: Khu dân cư phố Cao Đường, phường Phả Lại., TP. Chí Linh
(X(m): 2336901; Y(m): 584061)

- QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn./.

TM.NHÓM QUAN TRẮC

PHÒNG QTTN, MT

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Khánh

Trần Xuân Toàn

Nguyễn Văn Tuyên

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;
2. Phép thử đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017 và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã hiệu VIMCERTS 017 được công bố trong hồ sơ năng lực của Trung tâm;
3.(*) Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
4. Không được sao chép từng phần kết quả này, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Tài nguyên, Môi trường;
5. Nếu khách hàng không có phản hồi lại, sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả Trung tâm sẽ hủy mẫu theo quy định./.

BM 29.01
Lần ban hành: 2.25



Số: 874/2025/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Hải Dương, ngày 05 tháng 6 năm 2025



I. THÔNG TIN CHUNG

Tên dịch vụ sự nghiệp Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025
 công giao nhiệm vụ

Địa điểm quan trắc TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
 Loại mẫu Không khí xung quanh
 Ngày quan trắc 23/5/2025
 Ngày phân tích 24/5-29/5/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KK2305-3.1	
1	CO	HDPT 50.2021	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<9000	30.000
2	NO ₂	TCVN 6137:2009	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	16	200
3	SO ₂	TCVN 5971: 1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<40	350
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067 :1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	68	300
5	NH ₃	TCVN 5293:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<100	200
6	H ₂ S	MASA 701	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<10	42

Ghi chú:

KK2305-3.1 Khu dân cư phố Cao Đường, phường Phả Lại., TP. Chí Linh
 (052301K) (X(m): 2336901; Y(m): 584061)

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- Mẫu kết quả ghi “<” là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PTTN, MT

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyền

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;
 2. Phép thử đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017 và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã hiệu VIMCERTS 017 được công bố trong hồ sơ năng lực của Trung tâm;
 3.(*) Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
 4. Không được sao chép từng phần kết quả này, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Tài nguyên, Môi trường;
 5. Nếu khách hàng không có phản hồi lại, sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả Trung tâm sẽ hủy mẫu theo quy định./.



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: số 159 Đường Ngô Quyền, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương *Tel: 0220.3898198



Số: 876/2025/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Hải Dương, ngày 05 tháng 6 năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc: thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Ngày quan trắc: 24/5/2025

Ngày phân tích: 25/5-30/5/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KK2405-2.1	
1	CO	HDPT 50.2021	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<9000	30.000
2	NO ₂	TCVN 6137:2009	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	13	200
3	SO ₂	TCVN 5971:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<40	350
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	76	300
5	NH ₃	TCVN 5293:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<100	200
6	H ₂ S	MASA 701	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<10	42

Ghi chú:

KK2405-2.1 Khu dân cư Xạ Sơn, phường Quang Thành, thị xã Kinh Môn (052401K) (X(m): 2326058; Y(m): 595712)

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- Mẫu kết quả ghi “<” là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH PHÒNG PTTN, MT

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyên

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;
 - Phép thử đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017 và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã hiệu VIMCERTS 017 được công bố trong hồ sơ năng lực của Trung tâm;
 - (*) Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
 - Không được sao chép từng phần kết quả này, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Tài nguyên, Môi trường;
 - Nếu khách hàng không có phản hồi lại, sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả Trung tâm sẽ hủy mẫu theo quy định./.
- BM 29.01 Lần ban hành: 2.25



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: số 159 Đường Ngô Quyền, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương*Tel: 0220.3898198

Số: 868/2025/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Hải Dương, ngày 05 tháng 6 năm 2025



I. THÔNG TIN CHUNG

Tên dịch vụ sự nghiệp
công giao nhiệm vụ

Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc

Huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu

Không khí xung quanh

Ngày quan trắc

24/5/2025

Ngày phân tích

25/5-30/5/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Phương pháp quan trắc	Đơn vị	Kết quả	QCVN 26:
				KK2405-2.2	2010/BTNMT
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	30,5	-
2	Độ ẩm	QCVN 46:2022/BTNMT	%	69,4	-
3	Tốc độ gió	QCVN 46:2022/BTNMT	m/s	0,37	-
4	Tiếng ồn (L_{Aeq})	TCVN 7878-1,2: 2018	dBA	56,6	≤ 70
	Tiếng ồn (L_{Amax})			58,8	-

Ghi chú:

KK2405-2.2: Khu dân cư Bình Dân, xã Bình Dân, huyện Kim Thành
(X(m): 2312572; Y(m): 604700)

- QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn./.

TM.NHÓM QUAN TRẮC

PHÒNG QTTN, MT

GIÁM ĐỐC

Khánh

Nguyễn Đức Khánh

Trần Xuân Toàn



Nguyễn Văn Tuyên

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;
 - Phép thử đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017 và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã hiệu VIMCERTS 017 được công bố trong hồ sơ năng lực của Trung tâm;
 - (*) Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
 - Không được sao chép từng phần kết quả này, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Tài nguyên, Môi trường;
 - Nếu khách hàng không có phản hồi lại, sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả Trung tâm sẽ hủy mẫu theo quy định./.
- BM 29.01
Lần ban hành: 2.25



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: số 159 Đường Ngô Quyền, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương *Tel: 0220.3898198

Số: 875/2025/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Hải Dương, ngày 05 tháng 6 năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ: "Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)" theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc: Huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Ngày quan trắc: 24/5/2025

Ngày phân tích: 25/5-30/5/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KK2405-2.2	
1	CO	HDPT 50.2021	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<9000	30.000
2	NO ₂	TCVN 6137:2009	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	15	200
3	SO ₂	TCVN 5971:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<40	350
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	68	300
5	NH ₃	TCVN 5293:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<100	200
6	H ₂ S	MASA 701	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<10	42

Ghi chú:

KK2405-2.2 Khu dân cư Bình Dân, xã Bình Dân, huyện Kim Thành (052402K) (X(m): 2312572; Y(m): 604700)

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- Mẫu kết quả ghi "<" là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PTTN, MT

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyên

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Phép thử đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017 và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã hiệu VIMCERTS 017 được công bố trong hồ sơ năng lực của Trung tâm;
- (*) Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
- Không được sao chép từng phần kết quả này, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Tài nguyên, Môi trường;
- Nếu khách hàng không có phản hồi lại, sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả Trung tâm sẽ hủy mẫu theo quy định./.



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: số 159 Đường Ngô Quyền, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương Tel: 0220.3898198



Số: 870/2025/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Hải Dương, ngày 05 tháng 6 năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên dịch vụ sự nghiệp công giao nhiệm vụ: Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025

Địa điểm quan trắc: thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Loại mẫu: Không khí xung quanh

Ngày quan trắc: 26/5/2025

Ngày phân tích: 27/5-02/6/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Phương pháp quan trắc	Đơn vị	Kết quả		QCVN 26: 2010/BTNMT
				KK2605-2.1	KK2605-2.2	
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	29,1	29,4	-
2	Độ ẩm	QCVN 46:2022/BTNMT	%	68,6	67,4	-
3	Tốc độ gió	QCVN 46:2022/BTNMT	m/s	0,33	0,43	-
4	Tiếng ồn (LAeq)	TCVN 7878-1,2: 2018	dBA	61,1	62,1	≤ 70
	Tiếng ồn (LAmax)			63,7	65,9	-

Ghi chú:

KK2605-2.1: Khu dân cư Duy Tân, phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn (X(m): 2326762; Y(m): 606838)

KK2605-2.2: Khu dân cư Tử Lạc, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn (X(m): 2327257; Y(m): 613475)

- QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn./.

TM.NHÓM QUAN TRẮC

PHÒNG QTTN, MT

Khánh

Nguyễn Đức Khánh

Trần Xuân Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tuyên

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;
2. Phép thử đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017 và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã hiệu VIMCERTS 017 được công bố trong hồ sơ năng lực của Trung tâm;
3.(*) Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
4. Không được sao chép từng phần kết quả này, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Tài nguyên, Môi trường;
5. Nếu khách hàng không có phản hồi lại, sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả Trung tâm sẽ hủy mẫu theo quy định./.



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: số 159 Đường Ngô Quyền, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương*Tel: 0220.3898198

Số: 877/2025/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Hải Dương, ngày 05 tháng 6 năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên dịch vụ sự nghiệp Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025
Địa điểm quan trắc thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Loại mẫu Không khí xung quanh
Ngày quan trắc 26/5/2025
Ngày phân tích 27/5-02/6/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2023/BTNMT
				KK2605-2.1	KK2605-2.2	
1	CO	HDPT 50.2021	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<9000	<9000	30.000
2	NO ₂	TCVN 6137:2009	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	11	11	200
3	SO ₂	TCVN 5971:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<40	<40	350
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	145	118	300
5	NH ₃	TCVN 5293:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<100	<100	200
6	H ₂ S	MASA 701	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<10	<10	42

Ghi chú:

- KK2605-2.1 Khu dân cư Duy Tân, phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn (052601K) (X(m): 2326762; Y(m): 606838)
KK2605-2.2 Khu dân cư Tử Lạc, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn (052602K) (X(m): 2327257; Y(m): 613475)
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- Mẫu kết quả ghi “<” là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PTTN, MT

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyên

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;
2. Phép thử đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017 và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã hiệu VIMCERTS 017 được công bố trong hồ sơ năng lực của Trung tâm;
3.(*) Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
4. Không được sao chép từng phần kết quả này, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Tài nguyên, Môi trường;
5. Nếu khách hàng không có phản hồi lại, sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả Trung tâm sẽ hủy mẫu theo quy định./.
- BM 29.01 Lấn ban hành: 2.25



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: số 159 Đường Ngô Quyền, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương *Tel: 0220.3898198

Số: 871/2025/KQQT

PHIẾU KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Hải Dương, ngày 05 tháng 6 năm 2025



I. THÔNG TIN CHUNG

Tên dịch vụ sự nghiệp
công giao nhiệm vụ

Địa điểm quan trắc

Loại mẫu

Ngày quan trắc

Ngày phân tích

Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025 thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Không khí xung quanh

27/5/2025

28/5-03/6/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Phương pháp quan trắc	Đơn vị	Kết quả			QCVN 26: 2010/BTNMT
				KK2705-3.1	KK2705-3.2	KK2705-3.3	
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	29,3	29,8	30,2	-
2	Độ ẩm	QCVN 46:2022/BTNMT	%	73,4	72,8	71,9	-
3	Tốc độ gió	QCVN 46:2022/BTNMT	m/s	0,47	0,42	0,34	-
4	Tiếng ồn (LAeq)	TCVN 7878-1.2: 2018	dBA	58,7	63,1	59,3	≤ 70
	Tiếng ồn (LAmax)			62,0	66,2	63,3	-

Ghi chú:

KK2705-3.1: Khu dân cư Lỗ Sơn, phường Nhị Chiểu, thị xã Kinh Môn (X(m): 2326076; Y(m): 610483)

KK2705-3.2: Khu vực đường vào bến bãi Công ty Tân Hà Kiều, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn (X(m): 2325582; Y(m): 614835)

KK2705-3.3: Khu vực cảng Công ty xi măng Hoàng Thạch, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn (X(m): 2327654; Y(m): 613754)

- QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn./.

TM.NHÓM QUAN TRẮC PHÒNG QTTN, MT

Khánh

Nguyễn Đức Khánh

Trần Xuân Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tuyên

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;
2. Phép thử đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017 và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã hiệu VIMCERTS 017 được công bố trong hồ sơ năng lực của Trung tâm;
3.(*) Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
4. Không được sao chép từng phần kết quả này, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Tài nguyên, Môi trường;
5. Nếu khách hàng không có phản hồi lại, sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả Trung tâm sẽ hủy mẫu theo quy định./.
BM 29.01
Lần ban hành: 2.25



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HẢI DƯƠNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: số 159 Đường Ngô Quyền, P. Tân Bình, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương Tel: 0220.3898198



Số: 878/2025/KQTN

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Hải Dương, ngày 05 tháng 6 năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên dịch vụ sự nghiệp Thực hiện nhiệm vụ: “Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Hải Dương 5 năm (giai đoạn 2021 - 2025)” theo quyết định số 1384/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 05/5/2025
Địa điểm quan trắc thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam
Loại mẫu Không khí xung quanh
Ngày quan trắc 27/5/2025
Ngày phân tích 28/5-03/6/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả			QCVN 05:2023/BTNMT
				KK2705-3.1	KK2705-3.2	KK2705-3.3	
1	CO	HDPT 50.2021	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<9000	<9000	<9000	30.000
2	NO ₂	TCVN 6137:2009	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	18	16	14	200
3	SO ₂	TCVN 5971: 1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<40	<40	<40	350
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067 :1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	264	197	158	300
5	NH ₃	TCVN 5293:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<100	<100	<100	200
6	H ₂ S	MASA 701	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<10	<10	<10	42

Ghi chú:

- KK2705-3.1 Khu dân cư Lỗ Sơn, phường Nhị Chiểu, thị xã Kinh Môn (052710K) (X(m): 2326076; Y(m): 610483)
KK2705-3.2 Khu vực đường vào bến bãi Công ty Tân Hà Kiều, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn (X(m): 2325582; Y(m): 614835)
KK2705-3.3 Khu vực cảng Công ty xi măng Hoàng Thạch, phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn (X(m): 2327654; Y(m): 613754)
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí
- Mẫu kết quả ghi “<” là mẫu có giá trị dưới giới hạn báo cáo./.

TM.NHÓM PHÂN TÍCH

PHÒNG PTTN, MT

GIÁM ĐỐC

Chu Minh Huân Liên

Đỗ Thị Nguyệt

Nguyễn Văn Tuyên

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử;
 - Phép thử đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017 và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường mã hiệu VIMCERTS 017 được công bố trong hồ sơ năng lực của Trung tâm;
 - (*) Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ;
 - Không được sao chép từng phần kết quả này, nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Tài nguyên, Môi trường;
 - Nếu khách hàng không có phản hồi lại, sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả Trung tâm sẽ hủy mẫu theo quy định./.
- BM 29.01 Lấn ban hành: 2.25

